TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 21-8-2025
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Minh Ngà
Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh, ông Nguyễn Tiến Đức
- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Lan –Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 21 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 2-Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 26/3/2025 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:101/2025/QĐXXST-DS ngày 11/07/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 31/07/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: bà Vũ Thị K, sinh năm 1952; nơi thường trú: khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* **Bị đơn**: ông Vũ Hồng Q, sinh năm 1957; nơi trường trú: khu B H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1954; nơi thường trú: số nhà F, khu H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị V, sinh năm 1960; nơi thường trú: khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1967; địa chỉ nơi thường trú: số D P, khu P, phường Đ, thành phố Hải Phòng.

Bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị C có mặt ngày 14/8/2025, đề nghị được vắng mặt ngày tuyên án, ngày 21/8/2025; Bà Vũ Thị P vắng mặt, ủy quyền cho bà Vũ Thị K; ông Vũ Hồng Q vắng mặt các ngày 14 và 21/8/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K1 trình bày nội dung như sau:

Bố mẹ bà là cụ Vũ Văn X (sinh năm 1922, chết năm 1994) và cụ Nguyễn Thị M (sinh năm 1920, chết năm 2015), sinh được 06 người con, là bà (Vũ Thị K), Vũ Thị C, Vũ Hồng Q, Vũ Thị V, Vũ Thị P1, Vũ Thị P. Cụ X, cụ M chết không để lại di chúc. Sinh thời bố mẹ bà tạo dựng được khối tài sản là nhà và đất tại khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Đất đã được UBND huyện Y cấp giấy CNQSDĐ số A 358815 cấp ngày 20/3/1991, số vào sổ: 0215 QSDĐ, mang tên bà Nguyễn Thị M1 (đã có đính chính Nguyễn Thị M), là thửa đất số 238 tờ bản đồ số 1, diện tích 705m2 (trong đó đất thổ cư 200m2; đất vườn 505m2) và công trình xây dựng là ngôi mái bằng xây năm 1993, nhà ngang là nhà cấp 4 xây năm 1992 và công trình phụ khác.

Trong đơn khởi kiện bà có quan điểm, bố mẹ bà chết không để lại di chúc, nên bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật, những người được thừa kế di sản của bố mẹ bà trừ bà P1 từ chối nhận di sản còn lại 5 chị em bà trong đó ông Q là con trai, nên bà có quan điểm chia phần cho ông Q nhiều hơn mỗi kỷ phần chia theo pháp luật là chia cho ông Q diện tích 200m2 đất. Nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Q có quan điểm không quan tâm và nói lại với hàng xóm là phần của mình mang đi làm từ thiện thì bà thay đổi quan điểm, đề nghị chia theo pháp luật, chia đều di sản là nhà đất của bố mẹ bà cho các đồng thừa kế, ông Q được chia một kỷ phần như 05 chị em bà. Bà đề nghị chia thừa kế theo hiện vật, kỷ phần của bà, bà tặng cho lại bà V, bà V thanh toán cho bà như thế nào bà và bà V tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi đo hiện trạng thửa đất còn 701,6m2, bà đề nghị chia theo diện tích này.

Tài sản hiện có trên đất, trong đó gian quán (diện tích 15,1m2) và mái lợp Prô xi măng (diện tích 9m2) vị trí giáp cổng đi vào thửa đất là do bà xây (do em gái là bà P1 ở nước ngoài gửi tiền về cho bà xây) để làm quán bán hàng, nhưng đến nay bà không sử dụng nữa. Trường hợp gian quán và mái P rô xi măng khi chia đất thuộc đất của ai thì người đó được sử dụng bà không yêu cầu thanh toán giá trị xây dựng.

Sau khi bố mẹ bà chết, có bà và bà V ở gần đó đi lại trông coi nhà cửa, ngày giỗ tết chỉ có các bà là con gái về thắp hương bố mẹ, còn ông Q do có mâu thuẫn từ lâu trong gia đình nên tự lo việc cúng giỗ bố mẹ tại nhà riêng của ông Q. Ông Q không hợp tác với các chị em gái bà trong việc chia thừa kế, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ bà.

Bị đơn là ông Vũ Hồng Q, ông Q vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án sau khi thụ lý vụ án, thông báo, triệu tập nhưng ông Q đều vắng mặt, ngày 17/6/2025 Tòa án nhận được văn bản ghi ngày 15/6/2025 của ông Q gửi đến qua đường bưu điện, nội dung văn bản ông Q trình bày, nội dung như sau: bố mẹ ông sinh được 06 người con, 05 gái là K, C, P, P1 và 01 trai là ông, cô P1 ở nước ngoài, ông là con trai nhưng do ông lấy vợ không được sự đồng ý của gia đình**,** nên vợ chồng ông không ở chung cùng bố mẹ, nhưng ông cũng làm tròn

bổn phận của người con. Bố ông chết năm 1994, mẹ ông chết 2015, không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ ông chết, ông thờ cúng bố mẹ tại nhà ông còn nhà đất của bố mẹ do 05 chị em gái quản lý và trông coi. Khi thấy đất có biến động tăng giá các bà con gái bàn nhau chia đất và đưa ông lên UBND phường H để giải quyết, do không thống nhất lên kiện ông ra Tòa, tại Trung tâm hòa giải của Tòa án, ông chỉ yêu cầu các bà viết giấy xin lỗi ông thì ông viết giấy giao toàn quyền cho các bà thụ hưởng toàn bộ đất mang tên mẹ nhưng họ không chấp thuận. Quan điểm của ông, đề nghị xử theo pháp luật. Ngày 13/8/2025 ông Q có đơn đề nghị miễn án phí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị V, Vũ Thị P.

Bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị V, trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa trình bày nội dung như sau: bố mẹ các bà là cụ Vũ Văn X và cụ Nguyễn Thị M, bố mẹ sinh được 06 người con; sinh thời các bố mẹ các bà tạo dựng được khối tài sản là nhà và đất tại địa chỉ tại khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh như bà Vũ Thị K trình bày. Bố mẹ các bà chết không để lại di chúc, bà P1 có đơn từ chối nhận di sản và đơn từ chối tham gia tố tụng, nên các bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản của bố mẹ các bà cho 05 người con là bà K, bà C, bà V, bà P và ông Q, chia đều cho mỗi kỷ phần và chia hiện vật cho các đồng thừa kế. Ngoài ra bà C có quan điểm kỷ phần của bà được chia bà tặng cho bà V.

Bà Vũ Thị P vắng mặt tại phiên tòa, trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai trình bày quan điểm thống nhất như quan điểm của bà C bà V về di sản thừa kế, hàng thừa kế của cụ Vũ Văn X, cụ Nguyễn Thị M; tại văn bản ngày 18/6/2025 của bà P gửi về Tòa án, bà P có quan điểm, kỷ phần bà được chia, bà cũng tặng cho bà V, bà V phải thay bà chịu chi phí tố tụng khác.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng của HĐXX như sau: Đối với đất, theo bản trích đo hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Q thực hiện đo thực tế, hiện trạng thửa đất số 238 tờ bản đồ số 01 - theo GCNQSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị M, hiện trạng thửa đất còn 701,6m2, thửa đất hiện nay xác định là thửa số 58 tờ bản đồ số 59, vị trí tại khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Tài sản trên đất bao gồm: Nhà mái bằng diện tích 70,6m2 (trên phần S1); Nhà cấp 4 diện tích 23m2 (Ngày 21/8/2025 các thành viên HĐXX đã xem xét hiện trạng, vị trí S2 có 01 gian nhà cấp 4, kích thước ngang 4,4m, dài 5,21m, diện tích 23m2) và công trình phụ là nhà vệ sinh, nhà tạm lợp Prô xi măng; sân bê tông, sân gạch, những tài sản này là của cụ X, cụ M; ngoài ra trên đất còn 01 gian quán là nhà tạm (diện tích 15,1m2) và mái tạm lợp mái Proximăng diện tích là 9,0 m2 do bà K xây dựng là tài sản của bà K.

Biên bản định giá tài sản ngày 10/6/2025, xác định đất ở có đơn giá 4.200.000đồng/m2 (Bốn triệu hai trăm nghìn/m2) và đơn giá đất trồng cây lâu năm

50.000đồng/m^2. Tài sản trên đất của cụ M, cụ X tổng giá trị: 79.612.628 đồng (còn gian quán S3 diện tích 15,1m2 và mái lợp Prô xi măng diện tích 9m2 là tài sản của bà K).

Tại phiên tòa bà K, bà C, bà V xác nhận ông bà nội, ngoại của các bà đều đã chết, hiện không còn ai. Bà V trình bày, bà đề nghị khi chia đất cho kỷ phần của bà và các chị em gái có ngôi nhà mái bằng, bà nhận kỷ phần của các chị em gái khác là để thay mặt chị em lo sửa chữa lại ngôi nhà để chị em gái bà có chỗ đi về, có nơi thờ cúng bố mẹ.

Quan điểm của VKS tại phiên tòa: Về tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử đã chấp hành các quy định của bộ luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn là vắng mặt, không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình Về quan điểm giải quyết vụ án: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị K, chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Vũ Thị X1, cụ Nguyễn Thị M cho các đồng thừa kế, chia 05 kỷ phần, để đảm bảo quyền lợi của ông Q, kỷ phần của ông Q được chia theo hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2- Quảng Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh xét xử vụ án về yêu cầu khởi kiện "tranh chấp chia thừa kế" của nguyên đơn bà Vũ Thị K đúng thẩm quyền, loại vụ việc được quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị P vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị K, bị đơn là ông Vũ Hồng Q vắng mặt, nhưng đã tống đạt hợp lệ 02 lần, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Vũ Thị P, ông Vũ Hồng Q.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Vũ Thị K yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản là nhà và đất của bố mẹ bà là cụ Vũ Văn X và cụ Nguyễn Thị M.

[3] Để có căn cứ chia di sản của cụ Vũ Văn X, cụ Nguyễn Thị M, HĐXX xác định những người được hưởng thừa kế và di sản thừa kế của cụ X, cụ M.

[3.1] Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được: cụ Vũ Văn X chết năm 1994, cụ Nguyễn Thị M chết 2015, không để lại di chúc, nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế của các cụ chia theo pháp luật là có căn cứ, nên được chấp nhận. Các đương sự đều xác nhận cụ X, cụ M có 06 người con là Vũ Thị K, Vũ Thị C, Vũ Hồng Q, Vũ Thị V, Vũ Thị

P1 và Vũ Thị P, bà Vũ Thị P1 có văn bản từ chối nhận di sản và văn bản từ chối tham gia tố tụng, bố mẹ của cụ X, cụ M đều đã chết, nên các bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị P và ông Vũ Hồng Q là người thuộc hàng thừ kế thứ nhất của cụ X, cụ M.

[3.2] Xác định di sản chia thừa kế của cụ X, cụ M.

[3.2.1] Đối đất: Đất đã được UBND huyện Y cấp giấy CNQSDĐ số A 358815 cấp ngày 20/3/1991, số vào sổ: 0215 QSDĐ, mang tên bà Nguyễn Thị M1 (đã được đính chính Nguyễn Thị M), là thửa đất số 238 tờ bản đồ số 1, diện tích 705m2 (trong đó đất thổ cư 200m2; đất vườn 505m2). Cụ X, cụ M là vợ chồng có 06 người con chung, trong đó con lớn là bà Vũ Thị K sinh năm 1952, hôn nhân của cụ X, cụ M xác lập muộn nhất năm 1952, chế độ tài sản chung của cụ X, cụ M xác định theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 (Điều 15: *Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*), theo quy định này cụ X có quyền sở hữu tài sản của cụ M. Như vậy thửa đất đã được UBND huyện Y cấp giấy CNQSDĐ số A 358815 cấp ngày 20/3/1991 là tài sản chung của cụ M và cụ X. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng thửa đất này xác định có diện tích là 701,6m2, diện tích này nằm trong giới hạn 705m2 được cấp GCNQSDĐ, vị trí hiện nay là thửa số 58 tờ bản đồ số 59 bản đồ năm 2014, tại khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế trong giới hạn 701,6m2, bị đơn có quan điểm giải quyết theo quy định, nên HĐXX xem xét chia trong giới hạn 701,6m2 theo hiện trạng đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Q đo vẽ là đảm bảo quyền lợi của các thừa kế. Theo đơn giá định giá, thửa đất có giá trị 865.080.000đồng (tám trăm sáu mươi năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

[3.2.2] Tài sản trên đất: theo biên bản định giá, tài sản trên đất của cụ M, cụ X là ngôi nhà mái bằng, ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ, tổng giá trị là 79.612.628đồng.

[3.2.3] Di sản là đất và tài sản trên đất của cụ M cụ X có giá trị: 865.080.000đồng + 79.612.628đồng = 944.692.628đồng (chín trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng). Không có đương sự nào yêu cầu thanh toán công sức duy trì, tôn tạo di sản hay công nuôi dưỡng người để lại di sản, nên HĐXX không xem xét nội dung này, mà chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản cho 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần chia theo pháp luật có giá trị 188.938.500đồng; về đất, mỗi kỷ phần được chia theo pháp luật được chia 140,3m2 đất trong đó có 40m2 là đất ở và 100,3m2 đất trồng cây lâu năm.

Nguyên đơn là bà K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, bà V, bà P có quan điểm được chia hiện vật, căn cứ hiện trạng thực tế thửa đất, HĐXX chấp nhận đề nghị chia hiện vật cho các đồng thừa kế, sẽ chia thửa đất thành 02 phần, 01 phần có ngôi nhà mái bằng chia cho các bà K, bà C, bà V, bà P; chia cho ông Q vị trí giáp ngõ đi vào thửa đất, chiều ngang bám mặt đường 4,5m, vị trí có ngôi nhà cấp 4 và gian quán do bà K xây, sau khi chia với hiện trạng thửa đất phần đất chia cho ông Q có diện tích 140,0m2

(trong đó đất ở là 40m2 đất trồng cây lâu năm là 100,m2), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,1) = 140m2; phần còn lại giới hạn bởi các điểm (9,10,11,12,13, 2,1,8,14,15,9) là kỷ phần của bà K, bà C, bà V, bà P, do bà K, bà C, bà P tặng cho bà V nên bà V được quyền sử dụng diện tích 561,6m2 đất (trong đó đất ở là 160m2 và đất trồng cây lâu năm là 401,6m2); (bản án đính kèm sơ đồ).

Vị trí phần đất ông Q được chia có ngôi nhà cấp 4 (là nhà ngang diện tích 23m2) và gian quán do bà K xây. Vị trí kỷ phần của các bà K, C, V, P có ngôi nhà mái bằng, ngoài ra công trình phụ hiện có trên kỷ phần của ai được chia người đó được sử dụng. Thửa đất có chiều ngang bám đường 18,18m nhưng để đảm bảo đủ điều kiện để tách thửa nên kỷ phần chia cho ông Q có chiều ngang bám đường là 4,5m, như vậy kỷ phần ông Q được chia có ít hơn kỷ phần theo pháp luật về diện tích (ít hơn 0,3m2) nhưng được lợi hơn kỷ phần khác về vị trí, mặt khác trên kỷ phần ông Q được chia có ngôi nhà cấp 4 diện tích 23m2, kỷ phần của 4 chị em gái có ngôi nhà mái bằng diện tích 70,6m2, giá trị tài sản trên đất giữa các kỷ phần được chia tương đương nhau và các đương sự có mặt tại phiên tòa không yêu cầu phải thanh toán chênh lệch giá trị kỷ phần được chia nên HĐXX không xem xét thanh toán chênh lệch kỷ phần.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà V đã nộp tạm ứng số tiền 20.000.000đồng, đã chi thực tế trong việc xem xét thẩm định; định giá tài sản, thuê đo chia tách thửa, chi hết số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) này, tại phiên tòa bà V có quan điểm bà tự nguyện chịu chi phí này, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự yêu cầu chia thừa kế, nên phải chịu án phí trên kỷ phần được chia, trong đó bà K, bà C, bà V, ông Q là người trên 60 tuổi và đều đề nghị được miễn án phí, nên bà K, bà C, bà V, ông Q được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. (Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1 khóa 14 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án); bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị kỷ phần bà P được chia là 188.938.500đồng (một trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng); do bà V nhận trách nhiệm chịu án phí phần của bà P, nên bà V có trách nhiệm nộp 9.446.900đồng (chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 5 Điều 147; Điều 157, 158, 165, 166; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959; Điều 650, 651, 660; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 9

Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1 khóa 14 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị K đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn X và cụ Nguyễn Thị M, là thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59, vị trí tại khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh, tương ứng thửa số 238 tờ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 358815 ngày 20/3/1991 của UBND huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị M và tài sản trên đất, chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của cụ Vũ Văn X và cụ Nguyễn Thị M.

Chấp nhận đề nghị của bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị P về việc tặng cho lại kỷ phần của mình cho bà Vũ Thị V; di sản của cụ Vũ Văn X, Nguyễn Thị M chia như sau:

-Bà Vũ Thị V được quyền sử dụng diện tích 561,6m2 đất (đất ở 160m2; đất trồng cây lâu năm 401,6m2) là một phần thửa số 58 tờ bản đồ số 59 (tương ứng thửa cũ số 238 tờ 01); tại địa chỉ khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; được giới hạn bởi các điểm S(9,10,11,12,13,2,1,8,14,15,9); được quyền sử dụng tài sản trên đất là ngôi nhà mái bằng diện tích 70,6m2 và công trình phụ.

-Ông Vũ Hồng Q được quyền sử dụng diện tích 140m2 đất (đất ở 40m2; đất trồng cây lâu năm 100m2), là một phần thửa số 58 tờ bản đồ số 59 (tương ứng thửa cũ số 238 tờ 01); tại địa chỉ khu E H, phường H, tỉnh Quảng Ninh, giới hạn bởi các điểm S(1,2,3,4,5,6,7,8,1); được quyền sử dụng tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 diện tích 23m2, công trình phụ, gian quán và phần mái lợp Prô xi măng do bà K xây.

(*Có sơ đồ kèm theo bản án)*

3.Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá hết số tiền 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), bà V tự nguyện chịu, nên được trừ vào số tiền tạm ứng do bà V nộp 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), bà V đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp chi phí này.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị V và ông Vũ Hồng Q. Bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà Vũ Thị V chịu thay nên bà Vũ Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.446.900đồng (chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm đồng).**5.**Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai trong các ngày 14 và 21 tháng 8 năm 2025; ngày 14/8/2025 có mặt bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị V, có mặt người đại diện của bà Vũ Thị P, vắng mặt ông Vũ Hồng Q; ngày 21/8/2025 các đương sự đều vắng mặt, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh.*
-*VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND khu vực 2- Quảng Ninh;*
- *Phòng THA khu vực 2 Quảng Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Minh Ngà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh.*
- *VKSND khu vực 2- Quảng Ninh;*
- *Phòng THA khu vực 2 Quảng Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Minh Ngà

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L; báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.